

B GIAO THÔNG V NT I
B GIAO THÔNG V NT I

C NG H A XÍ H I CH NGH A VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph

B NG ñ I M CHI TI T MĐN H C - MĐN THI

N h c : 2013-2014

L p h c : 131014200601

H c km : HK01

M h c : K t c u c ng trnh

STT	MÃ SV	H V i T c N		H S 1						H S 2						ñ I M THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	3641010481	ñ Th	An	6.0	7.0	5.0	4.0	5.0								2.0	5.0		5.4	3.7	5.2		
2	3641010098	Nguy n Ho	n	6.0	8.0	8.0	7.0	7.0								5.0			7.2	6.1			
3	3641010072	H V N	B o	5.0	4.0	5.0	1.0	5.0								6.0			4.0	5.0			
4	3641010482	Võ Xuân	Biên	7.0	8.0	9.0	8.0	7.0								2.0	2.0		7.8	4.9	4.9		
5	3641010023	Tr n Nh	Bình	6.0	8.0	6.0	6.0	7.0								2.0	6.0		6.6	4.3	6.3		
6	3641010121	ñ	Công	7.0	9.0	8.0	7.0	7.0								5.0			7.6	6.3			
7	3641010026	Tr n Minh	D ng	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0								6.0			8.4	7.2			
8	3641010141	H S	ñ ang	6.0	5.0	4.0	4.0	6.0								1.0			5.0	3.0			
9	3641010135	Nguy n Th	ñ t	6.0	7.0	5.0	5.0	5.0								1.0	6.0		5.6	3.3	5.8		
10	3641010128	Ph m Ti n	ñ t	7.0	9.0	9.0	8.0	7.0								5.0			8.0	6.5			
11	3641010049	Lê Hoàng	ñ i p	5.0	7.0	5.0	7.0	5.0								4.0	3.0		5.8	4.9	4.4		
12	3641010148	B i V N	ñ o	7.0	8.0	9.0	7.0	7.0								1.0	2.0		7.6	4.3	4.8		
13	3641010101	Võ Phúc	H u	7.0	9.0	6.0	9.0	6.0								2.0	6.0		7.4	4.7	6.7		
14	3641010081	T C ng	Kha	6.0	9.0	7.0	8.0	6.0								6.0			7.2	6.6			
15	3641010070	Nguy n Duy	Khang	5.0	9.0	9.0	8.0	6.0								5.0			7.4	6.2			

STT	MÃ SV	H Òi TÊN		H S 1						H S 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
16	3641010032	Mai Tùng	Lâm	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0								0.0			0.0	0.0			
17	3641010113	L ² D ãng	Linh	7.0	5.0	5.0	8.0	6.0								8.0			6.2	7.1			
18	3641010146	Quách H ù	Nam	7.0	6.0	6.0	7.0	6.0								4.0			6.4	5.2			
19	3641010109	Nguyễn M ãnh	Nguyễn	8.0	8.0	6.0	9.0	6.0								8.0			7.4	7.7			
20	3641010097	Nguyễn Quang	Phúc	7.0	9.0	7.0	7.0	7.0								6.0			7.4	6.7			
21	3641010082	H ãng c	Quý	7.0	9.0	7.0	8.0	7.0								7.0			7.6	7.3			
22	3641010057	Phan Thanh	S ãn	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0								8.0			8.2	8.1			
23	3641010053	Nguyễn Nh ãt	Tân	7.0	6.0	4.0	4.0	5.0								3.0	3.0		5.2	4.1	4.1		
24	3641010105	V ^{1/2} T ãn	Tây	7.0	8.0	7.0	5.0	5.0								8.0			6.4	7.2			
25	3641010046	Nguyễn Th ãnh	Ti ãn	8.0	8.0	7.0	6.0	6.0								3.0			7.0	5.0			
26	3641010354	Tr ãn V ãnh	Tĩnh	8.0	9.0	6.0	8.0	6.0								8.0			7.4	7.7			
27	3641010095	Nguyễn Trung	Tích	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0								0.0			0.0	0.0			
28	3641010092	H ãnh H ù	Toàn	8.0	9.0	9.0	9.0	7.0								9.0			8.4	8.7			
29	3641010090	L ² Ng ãc	Toàn	6.0	6.0	5.0	8.0	6.0								3.0	2.0		6.2	4.6	4.1		
30	3641010124	Tr ãn Anh	To ãi	7.0	8.0	6.0	9.0	6.0								7.0			7.2	7.1			
31	3641010040	Phan Thanh	Tu ãn	7.0	9.0	6.0	8.0	6.0								6.0			7.2	6.6			
32	3641010011	Võ Duy	Tu ãn	4.0	6.0	4.0	5.0	5.0								1.0	4.0		4.8	2.9	4.4		
33	3641010083	Tr ãng V ãnh	Tuyên	6.0	7.0	4.0	7.0	5.0								6.0			5.8	5.9			
34	3641010074	Tr ãn V ãnh	Tú	5.0	4.0	6.0	6.0	5.0								7.0			5.2	6.1			
35	3641010025	L ² T ãn	Th	4.0	6.0	6.0	4.0	5.0								2.0	5.0		5.0	3.5	5.0		
36	3642010143	Nguyễn V ãnh	Th ãch	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0								9.0			8.6	8.8			
37	3641010030	Phan ãnh c	Thi	7.0	8.0	6.0	7.0	6.0								3.0	7.0		6.8	4.9	6.9		

STT	MÃ SV	H Vị T ố N		H S 1						H S 2						h I M T H I			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
38	3641010042	Nguy n Qu c	Th nh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0								0.0			0.0	0.0			
39	3641010111	L² Qu c	Tr n	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0								0.0			0.0	0.0			
40	3641010136	Tr n Minh	Tr í	5.0	6.0	4.0	6.0	5.0								3.0	0.0		5.2	4.1	2.6		
41	3601010016	Ho ng ñ c	Tr n	6.0	7.0	5.0	5.0	5.0								5.0			5.6	5.3			
42	3541010604	Tr n Minh	Tr ng	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0								0.0			0.0	0.0			
43	3641010108	L² Qu c	V ñ	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0								7.0			7.6	7.3			
44	3641010112	Nguy n Ch ´	Vi n	7.0	9.0	5.0	7.0	6.0								5.0			6.8	5.9			

#Error

X p lo i S l ng T l

Tr ng Khoa

Gi o vi² n b m»n

Tp H Ch ´ Minh, ng y 14 th ng 4 n ñ 2014

Gi o v Khoa